

ĐẢNG BỘ TỈNH NGHỆ AN
THỊ ỦY CỬA LÒ

Số 657-QĐ/ThU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cửa Lò, ngày 04 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
về việc giao kế hoạch thu, nộp đảng phí năm 2024

- Căn cứ Quyết định số 342-QĐ/TW, ngày 28/12/2010 của Bộ Chính trị về việc ban hành chế độ đảng phí;

Căn cứ Hướng dẫn số 141-CV/VPTW, ngày 17/3/2011 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 342-QĐ/TW của Bộ Chính trị;

- Căn cứ Quyết định số 2267-QĐ/TU, ngày 04/01/2024 của Tỉnh ủy Nghệ An về việc giao kế hoạch thu, nộp đảng phí năm 2024;

Xét đề nghị của Văn phòng Thị ủy,

BAN THƯỜNG VỤ THỊ ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao chỉ tiêu thu, nộp đảng phí năm 2024 cho các đảng bộ, chi bộ trực thuộc Thị ủy (Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Trong năm nếu có thay đổi về số lượng đảng viên, mức thu nhập và hướng dẫn mới về chế độ đảng phí thì thực hiện theo chế độ hiện hành.

Điều 2. Văn phòng Thị ủy chịu trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức cơ sở đảng thực hiện và tổng hợp báo cáo theo chế độ quy định.

Điều 3. Ban Thường vụ các đảng ủy cơ sở, bí thư các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Thị ủy và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2,
- Lưu VP.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC



Lê Thanh Long

*

CHỈ TIÊU

Thu, nộp đảng phí năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 657-QĐ/ThU ngày 04 tháng 3 năm 2024)

TT	TÊN CHI BỘ, ĐẢNG BỘ	Số lượng đảng viên	Tổng số đảng phí thu được từ	Đảng phí được trích lại CB trực thuộc ĐBCS	Đảng phí được trích lại ĐBCS, cơ sở	Đảng phí nộp lên Thị ủy
1	ĐB Phường Thu Thủy	193	76.257.000	22.877.100	48.041.910	5.337.990
2	ĐB phường Nghi Hoà	287	107.964.000	32.389.200	68.017.320	7.557.480
3	ĐB Phường Nghi Thủy	256	122.545.000	36.763.500	77.203.350	8.578.150
4	ĐB Phường Nghi Thu	405	105.031.000	31.509.300	66.169.530	7.352.170
5	ĐB phường Nghi Hương	548	181.564.000	54.469.200	114.385.320	12.709.480
6	ĐB Phường Nghi Hải	480	131.204.000	39.361.200	82.658.520	9.184.280
7	ĐB Phường Nghi Tân	225	108.038.000	32.411.400	68.063.940	7.562.660
8	ĐB Công An	81	94.884.000	28.465.200	46.493.160	19.925.640
9	ĐB Quân sự	63	36.352.000	10.905.600	17.812.480	7.633.920
10	ĐB Cơ quan chính quyền	85	76.500.000	22.950.000	37.485.000	16.065.000
11	Đảng bộ cơ quan Thị ủy	31	29.166.000	8.749.800	14.291.340	6.124.860
12	Đảng bộ Cơ quan Khối dân	23	18.270.000	5.481.000	8.952.300	3.836.700
13	Đảng bộ trường CĐ DL-TM NA	85	81.502.000	24.450.600	39.935.980	17.115.420
14	Đảng bộ BV Phục hồi chức năng	101	96.231.000	28.869.300	47.153.190	20.208.510
15	Chi bộ Trung tâm Y tế	59	46.780.000		32.746.000	14.034.000
16	Chi bộ Ban quản lý đô thị	19	16.608.000		11.625.600	4.982.400
17	Chi bộ Ban quản lý dự án	19	13.230.000		9.261.000	3.969.000
18	Chi bộ BHXH	13	11.880.000		8.316.000	3.564.000
19	Chi bộ BQL cảng cá Nghệ an	23	17.915.000		12.540.500	5.374.500
20	Chi bộ BQL Nghĩa trang	5	4.076.000		2.853.200	1.222.800
21	Chi bộ Bưu điện thị xã	9	7.440.000		5.208.000	2.232.000
22	Chi bộ Chi cục thi hành án	8	7.715.000		5.400.500	2.314.500
23	Chi bộ Công ty Môi trường	22	17.903.000		12.532.100	5.370.900
24	Chi bộ CT CP cấp nước Cửa Lò	29	23.647.000		16.552.900	7.094.100
25	Chi bộ CTCPPT du lịch Sen Vàng	19	8.352.000		5.846.400	2.505.600
26	Chi bộ CTTNHH DL&TM CĐOÀN	12	7.219.000		5.053.300	2.165.700
27	Chi bộ Dầu khí Sài gòn	11	9.400.000		6.580.000	2.820.000
28	Chi bộ Đội quản lý trật tự đô thị	17	14.150.000		9.905.000	4.245.000
29	Chi bộ Kho bạc	12	11.926.000		8.348.200	3.577.800
30	Chi bộ Ngân hàng chính sách	12	21.525.000		15.067.500	6.457.500
31	Chi bộ Ngọc tích	7	2.772.000		1.940.400	831.600
32	Chi bộ NK Tỉnh ủy	9	7.560.000		5.292.000	2.268.000
33	Chi bộ Thống kê	4	4.344.000		3.040.800	1.303.200
34	Chi bộ Toà án	10	9.463.000		6.624.100	2.838.900
35	Chi bộ TT DV Nông nghiệp	10	8.770.000		6.139.000	2.631.000
36	Chi bộ Trung tâm PTQuỹ đất	18	15.238.000		10.666.600	4.571.400
37	Chi bộ Trung tâm viễn thông	7	5.160.000		3.612.000	1.548.000
38	Chi bộ Trường Bình Minh	15	16.208.000		11.345.600	4.862.400
39	Chi bộ Trường Đại học Vạn Xuân	18	12.502.000		8.751.400	3.750.600
40	Chi bộ Trường PTTH Cửa Lò	59	66.715.000		46.700.500	20.014.500
41	Chi bộ Trường PTTH Cửa Lò 2	42	47.315.000		33.120.500	14.194.500

TT	TÊN CHI BỘ, ĐẢNG BỘ	Số lượng đảng viên	Tổng số đảng phí thu được từ	Đảng phí được trích lại CB trực thuộc ĐBCS	Đảng phí được trích lại ĐBCS, cơ sở	Đảng phí nộp lên Thị ủy
42	Chi bộ TT cứu hộ và PCTT	10	8.010.000		5.607.000	2.403.000
43	Chi bộ TT văn hoá thể thao và TT	28	24.504.000		17.152.800	7.351.200
44	Chi bộ Viện Kiểm sát	12	12.844.000		8.990.800	3.853.200
45	Chi bộ TTĐD người có công	37	28.907.000		20.234.900	8.672.100
46	Chi bộ TTGDTX II NA	16	14.363.000		10.054.100	4.308.900
47	Chi bộ Văn phòng ĐKQSD đất	22	14.821.000		10.374.700	4.446.300
48	Chi bộ Trường Xanh Tuệ Đức	16	8.810.000		6.167.000	2.643.000
49	Chi bộ Trường Mầm non Sunkid	5	3.084.000		2.158.800	925.200
Cộng :		3.497	1.816.664.000	379.652.400	1.122.472.540	314.539.060

Ghi chú: Đề nghị các Tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc nộp Đảng phí năm 2024 vào
TK: Thị uỷ Cửa Lò, số TK : 3713.0.1004371.00000 - Tại Kho bạc Thị xã Cửa Lò